Name: ……...

Class: S2…

Tel: 034 200 9294

Ngày GV giao bài: Thứ……., ngày…./….

Ngày HS nộp bài: Thứ……., ngày…./….

Grammar: ……

Listening: ……

Mini Test: ……

GLOBAL ENGLISH 2

Unit 4 - The big sky - Grammar & Movers Listening

A. Grammar

❖ **Past simple of to be** *(Quá khứ đơn của to be)*

- Động từ to-be ở thì hiện tại đơn: **am / is / are**
- Động từ to-be ở thì quá khứ đơn: **was / were**
- ***Cách dùng***: Để diễn tả một **hành động** hay **sự việc đã diễn ra** và **kết thúc** trong quá khứ.

I	I **was** happy.	Tôi **đã** rất vui.
He	He **was** happy.	Anh ấy **đã** rất vui.
She	She **was** happy.	Cô ấy **đã** rất vui.
It	It **was** happy.	Nó **đã** rất vui.
You	You **were** happy.	Bạn / Các bạn **đã** rất vui.
We	We **were** happy.	Chúng tôi **đã** rất vui.
They	They **were** happy.	Họ **đã** rất vui.

*Dấu hiệu nhận biết: **last** night/ week/ month/ year *(tối/ tuần/ tháng/năm trước)*, yesterday *(hôm qua)*

in + thời gian trong quá khứ *(in 2000: năm 2000)*

this morning / afternoon *(sáng/ chiều nay)*

B. Extra vocabulary

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	**excited** (adj)	thích thú	6	**basket** (n)	cái giỏ
2	**journey** (n)	chuyến đi	7	**peaceful** (adj)	yên bình
3	**sunny** (adj)	trời nắng	8	**tired** (adj)	mệt
4	**lake** (n)	hồ	9	**library** (n)	thư viện
5	**perfect** (adj)	hoàn hảo	10	**sick** (adj)	ốm

**Note:* *n = noun: danh từ; adj=adjective: tính từ.*

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG vào vở ghi.*

C. Homework

I. Choose the correct answer *(Chọn đáp án chính xác)*

0. The milk **was** / **were** cold.
1. His grandmother **was** / **were** sick last year.
2. They **was** / **were** excited yesterday.
3. I **was** / **were** hungry at 11 o'clock last night.
4. Children **was** / **were** at school last week.
5. She **was** / **were** a doctor in 2020.

LIVEWORKSHEETS

II. Correct the bold mistake in each sentence *(Sửa lại lỗi sai được in đậm trong mỗi câu)*

*0. She **were** very tired after the long journey.* → *_was_*

1. They **was** happy to see their friends last week. → _____
2. I **were** at home last night. → _____
3. The weather **were** really nice last weekend. → _____
4. You **was** in the library yesterday afternoon. → _____
5. My parents **was** at the party last night. → _____

III. Read the passge. Write T(True) or F(False) *(Đọc đoạn văn. Viết T(Đúng) hoặc F(Sai))*

Last Saturday, my family and I were at the park. It was a sunny day. My sister and I were very excited. There were a lot of people. There were sandwiches, fruit, and drink in our basket. After lunch, we walked around the lake, and it was very peaceful. At the end of the day, we were all tired but happy. It was a perfect family day.

0. The family was at the park last Sunday. *__F__*

1. The weather was sunny. _____
2. My brother and I were very excited. _____
3. There were sandwiches, fruit, and drink. _____
4. The lake was very noisy. _____
5. It was a perfect family day. _____

IV. Unscaramble the sentence *(Sắp xếp lại câu)*

0. was / I / student. / a

→ _____ *I was a student* _____.

1. were / friends. / They / best

→ _____.

2. was / teacher / My / kind.

→ _____.

3. busy / yesterday. / was / He

→ _____.

4. We / the / happy / were / in / class.

→ _____.

5. was / Marry / short / tall. / but / their parents/ were

→ _____.

LIVEWORKSHEETS

Con nghe bài ở link này:
https://drive.google.com/file/d/1mokFrDNr7K7ufdKB5PtBlzUQuhleGacn/view?usp=drive_link

Part 3

– 5 questions –

Zoe is telling her grandfather about people she knows and their favourite food. What food do these people like best?

Listen and write a letter in each box. There is one example.

her dad B

her grandmother ☐

her sister ☐

her brother ☐

her cousin ☐

her best friend ☐

LIVEWORKSHEETS

A

B

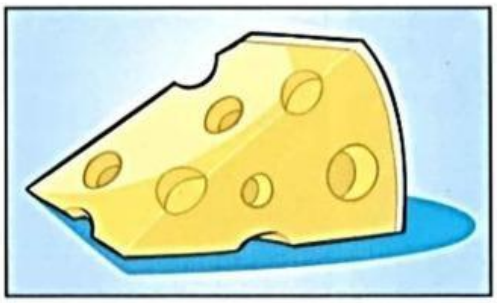

C

D

E

F

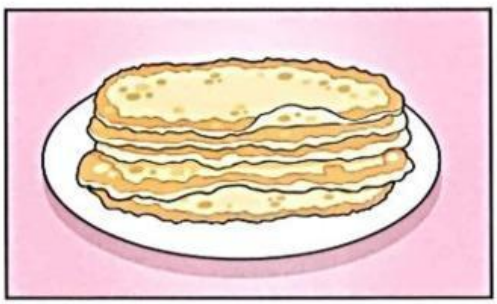

G

H

LIVEWORKSHEETS